TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/LĐ-PT
Ngày 19/11/2018
V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Phan Trí Dũng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 25/2018/TLPT-LĐ ngày 22/10/2018 về việc *"tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2018/QĐXXPT-LĐ ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; thường trú: Ấp VT, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú địa chỉ: Số 59/11, khu phố TH, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Xã QL, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: Số 82, đường số 9, khu Trung tâm hành chính DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH AT; địa chỉ: Khu phố TA, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố NĐ2, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 27/7/2018); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Mai Tiến L, Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư VT, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Công ty TNHH AT; địa chỉ: Khu phố TA, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH AT (sau đây gọi tắt là Công ty) vào tháng 9 năm 2012, không thỏa thuận thời gian thử việc, công việc phải làm là cắt chỉ thuộc tổ may, địa điểm làm việc tại Công ty, trụ sở: Khu phố TA, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Giữa Công ty với bà T có ký hợp đồng lao động một lần, nhưng bà T không nhớ chính xác thời gian ký kết và loại hợp đồng lao động vì Công ty không giao cho bà T; mức lương hai bên thỏa thuận hưởng trên số lượng sản phẩm, không có các khoản phụ cấp khác, tiền lương thực lãnh của 06 tháng liền kề là 4.009.128 đồng. Quá trình làm việc tại Công ty, bà T luôn hoàn thành công việc được giao và chấp hành tốt nội quy, kỷ luật của Công ty. Tuy nhiên, ngày 29/3/2018 Công ty bất ngờ thông báo cho bà T nghỉ việc mà không báo trước, bắt đầu nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018. Trước khi nghỉ việc, Công ty đã thanh toán đầy đủ tiền lương, chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho bà T.

Nhận thấy, việc Công ty cho bà T nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải bồi thường cho bà T các khoản sau:

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 4.009.128 đồng/tháng x 02 tháng = 8.018.256 đồng;

- Bồi thường 30 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là 4.009.128 đồng;

- Yêu cầu Công ty nhận bà T trở lại làm việc, trường hợp Công ty không muốn nhận bà T trở lại làm việc thì phải bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 4.009.128 đồng/tháng x 02 tháng = 8.018.256 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Công ty nhận bà T trở lại làm việc và rút yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 8.018.256 đồng.

** Tại bản ý kiến ngày 25/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH AT (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày:* Bà T vào làm việc tại Công ty vào năm 2012, hai bên không thỏa thuận thời gian thử việc, công việc phải làm là cắt chỉ thuộc tổ may, địa điểm làm việc tại Công ty, trụ sở: Khu phố TA, phường ĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Giữa Công ty với bà T chỉ ký kết hợp đồng lao động một lần, nhưng do hồ sơ Công ty làm thất lạc nên không biết thời gian ký kết và loại hợp đồng lao động; mức lương hưởng trên số lượng sản phẩm, không có các khoản phụ cấp khác, tiền lương thực lãnh 06 tháng liền kề của bà T là 4.009.128 đồng. Quá trình làm việc, về cơ bản bà T hoàn thành công việc được giao, được thể hiện qua mức lương từng tháng mà bà T được lãnh. Công ty nhận thấy đã thỏa thuận cho bà T nghỉ việc, khi thỏa thuận nghỉ việc bà T đã đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp 04 tháng (bút lục 32).

Quá trình xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty thay đổi lời khai xác định: Trong quá trình làm việc, bà T có một số sai phạm nhưng Công ty không lập biên bản mà chỉ nhắc nhở bằng miệng. Công ty không cho bà T nghỉ việc mà do bà T tự ý nghỉ

việc kể từ ngày 01/4/2018, quan hệ lao động giữa bà T với Công ty vẫn còn. Khi bà T nghỉ việc, Công ty đã thanh toán đầy đủ tiền lương, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ cho bà T. Việc bà T tự ý nghỉ việc nếu gây thiệt hại cho Công ty thì Công ty sẽ khởi kiện tranh chấp bằng vụ án lao động khác. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty không đồng ý.

Tại Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương đã căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 227, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 22, 38, 41, 42 và 90 của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với Công ty TNHH AT về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Buộc Công ty TNHH AT phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 12.027.384 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm trả tiền.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Công ty TNHH AT nhận trở lại làm việc.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với Công ty TNHH AT về việc bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 4.009.128 đồng x 02 tháng = 8.018.256 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/9/2018, bị đơn Công ty có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của Công ty và luật sư bảo vệ quyền lợi cho Công ty xác định: Công ty chỉ kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần buộc Công ty phải bồi thường cho bà T số tiền 12.027.384 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Ngày 29/3/2018, Công ty tiến hành mời 06 người lao động họp, trong đó có bà T để thông báo về tình hình của Công ty và cho bà T nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018 là vi phạm thời gian báo trước theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Lao động nên Công ty đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Bản án sơ thẩm xử buộc Công ty phải bồi thường cho bà T số tiền 12.027.384 đồng và đình chỉ đối với

yêu cầu mà bà T đã rút là có căn cứ. Công ty kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh tụng của các bên đương sự; ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã DA xét xử theo Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018. Ngày 06/9/2018, Công ty TNHH AT (sau đây gọi là Công ty) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty xác định: Công ty chỉ kháng cáo đối với mục 1 quyết định Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm bị kháng cáo theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Người đại diện hợp pháp của bà T và người đại diện hợp pháp của Công ty đều thống nhất xác định: Bà T bắt đầu làm việc tại Công ty từ năm 2012, hai bên không thỏa thuận thời gian thử việc và có ký kết hợp đồng lao động 01 lần; tuy nhiên, hai bên không xác định được thời gian ký kết và loại hợp đồng lao động vì hồ sơ Công ty đã làm thất lạc, tiền lương bà T thực lãnh bình quân của 06 tháng liền kề là 4.009.128 đồng/tháng, nên theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Bà T cho rằng: Ngày 29/3/2018, Công ty thông báo cho bà T bắt đầu nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018, nhưng không báo trước là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường cho bà T các khoản thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, gồm: 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 8.018.256 đồng; 30 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là 4.009.128 đồng; Công ty phải nhận bà T trở lại làm việc, nếu Công ty không muốn nhận bà T trở lại làm việc thì Công ty phải bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 8.018.256 đồng. Công ty cho rằng: Bà T tự ý nghỉ việc từ ngày 01/4/2018, Công ty không có bất kỳ văn bản nào cho bà T nghỉ việc nên Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty, nhận thấy: Bà T và Công ty đều không xác định được thời gian ký kết hợp đồng và loại hợp đồng lao động. Tuy nhiên, năm 2012 bà T vào làm việc tại Công ty với công việc là cắt chỉ thuộc tổ may, dựa trên tính chất công việc và căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 22 của Bộ luật Lao động, có cơ sở xác định hai bên ký kết loại hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng, bắt đầu từ năm 2012. Sau khi hết hạn hợp đồng, bà T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty nhưng hai bên không ký kết hợp đồng lao động mới. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Bộ luật Lao động thì hợp đồng lao động giữa bà T với Công ty trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[5] Ngày 29/3/2018, đại diện Công ty mời bà T và một số người lao động khác họp, thông báo cho bà T nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018, sự việc không được lập thành văn bản mà chỉ thông báo bằng lời nói. Công ty cho rằng: Buổi họp ngày 29/3/2018 chỉ lấy ý kiến chấm dứt hợp đồng lao động nhưng bà T tự ý nghỉ việc, Công ty không có bất kỳ văn bản

nào cho bà T nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018. Tuy nhiên, theo Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 05/4/2018 tại Phòng Lao động - Thương binh xã hội thị xã DA (bút lục 09), người đại diện theo ủy quyền của Công ty là bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Thái L xác định: *"Hiện tại tình hình tài chính Công ty đang khó khăn nên hướng Công ty sẽ cắt giảm lao động. Tuy nhiên về thủ tục thông báo bằng văn bản đến người lao động, Công ty chưa thực hiện mà chỉ thông báo bằng miệng. Nên việc người lao động yêu cầu hỗ trợ lương Công ty không thực hiện được";* ngoài ra, theo Sổ Bảo hiểm xã hội số 7413056849 của bà Nguyễn Thị T (bút lục 12-15) thì *"tổng thời gian đóng quỹ HT, TT đến tháng 03/2018 là 4 năm 8 tháng"*; theo Công văn số 656/CV-BHXH ngày 07/8/2018 của Bảo hiểm xã hội thị xã DA xác định *"Công ty TNHH AT đã nộp hồ sơ báo giảm tham gia BHXH cho bà Nguyễn Thị T ngày 30/3/2018 bằng danh sách mẫu D02-TS qua giao dịch điện tử. Sau đó Công ty nộp sổ BHXH để chốt sổ cho bà Nguyễn Thị T ngày 26/4/2018. BHXH thị xã DA căn cứ danh sách báo giảm của Công ty đã chốt và trả sổ BHXH về cho Công ty TNHH AT vào ngày 07/5/2018"* (bút lục 81-82). Tại biên bản đối chất ngày 31/5/2018 tại Tòa án, bà T xác định "*Vào ngày 29/3/2018 đại diện Công ty là anh L và cô N có gọi tôi vào văn phòng của Công ty nói với tôi là chấm dứt hợp đồng lao động với tôi vào ngày 01/4/2018...*"; người đại diện theo ủy quyền của Công ty cũng xác định *"tôi thống nhất với phần trình bày của bà T và có nói với bà T có đề xuất hay nguyện vọng gì không, nhưng không thấy bên bà T có ý kiến gì. Bà T nghỉ việc từ ngày 01/4/2018, sau đó ngày 05/4/2018 bà T có làm đơn tới Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thị xã DA..."* (bút lục 34, 36). Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cũng giữ nguyên lời trình bày như trên và đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 9.000.000 đồng (bút lục 49); tại Văn bản *"thay đổi ý kiến với nội dung của biên bản hòa giải thành ký ngày 27/6/2018"*, người đại diện theo pháp luật của Công ty ông Trần Đình H cũng xác định *"nguyên đơn lật lọng thỏa thuận lao động với Công ty. Công ty thông báo thỏa thuận ngày 29/3/2018, bắt đầu nghỉ từ ngày 01/4/2018 (trước 3 ngày đối với hợp đồng thời vụ). Thực chất quyết định nghỉ việc ngày 02/4/2018 đã gửi cho bảo hiểm thất nghiệp"* nên chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 4.270.000 đồng (bút lục 53), lời thừa nhận này của Công ty là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà T. Cho thấy, ý chí của Công ty là muốn chấm dứt hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 01/4/2018, nên việc Công ty cho rằng bà T tự ý nghỉ việc là không có căn cứ.

[6] Như đã phân tích tại mục [4] thì hợp đồng lao động giữa bà T với Công ty là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, để thực hiện cắt giảm chấm dứt hợp đồng lao động thì Công ty phải thực hiện báo trước cho bà T ít nhất 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động. Ngày 29/3/2018, Công ty tiến hành thông báo cho bà T bắt đầu nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2018, đồng thời lập danh sách báo *"giảm lao động"* để chốt sổ Bảo hiểm xã hội trả cho bà T là vi phạm quy định tại Điều 38 của Bộ luật Lao động. Do vậy, Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà T theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động nên phải có trách nhiệm bồi thường cho bà T theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động. Do trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Công ty bồi thường cho bà T 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 8.018.256 đồng; bồi thường 30 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là 4.009.128 đồng; tổng cộng: Bà T chỉ yêu cầu Công ty bồi thường số tiền 12.027.384 đồng (bút lục 27) là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận buộc Công ty bồi thường cho bà T số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Quá trình xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty bà Nguyễn Thị Ngọc A và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty cho rằng: Trong quá trình làm việc tại Công ty, ông L, bà N đã tự ý thực hiện các công việc vượt quá phạm vi quyền hạn của mình nên Công ty đã xử lý kỷ luật bằng hình thức *"kéo dài thời gian nâng lương 06 tháng"*, đồng thời thay đổi lời khai trước đây của ông L, bà N và cho rằng: *"Ngày 29/3/2018, ông L và bà N có đại diện Công ty mời người lao động họp để lấy ý kiến về việc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động chứ không phải thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với 06 người lao động"*, nhưng từ ngày 01/4/2018 trở đi bà T đã tự ý nghỉ việc, Công ty không có bất kỳ văn bản nào cho bà T nghỉ việc. Tuy nhiên, Công ty không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà T tự ý nghỉ việc nên lời trình bày của Công ty là không có cơ sở để xem xét. Và như đã phân tích tại mục [5], việc người đại diện theo ủy quyền của Công ty là bà A và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty cho rằng ông L, bà N đã tự ý thực hiện các công việc vượt quá phạm vi quyền hạn của mình, không có sự ủy quyền của Công ty để đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

[8] Công ty kháng cáo một phần quyết định Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA để yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, nhưng Công ty không xuất trình được chứng cứ để chứng minh Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà T, nên kháng cáo của Công ty không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty; giữ nguyên Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, về phần lãi suất do chậm thi hành án mà bản án sơ thẩm đã tuyên là không đúng với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp nhằm đảm bảo cho việc thi hành án. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo đã phát sinh hiệu lực.

[11] Án phí lao động phúc thẩm: Công ty phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH AT. Giữ nguyên Bản án số 12/2018/LĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 227, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 22, 38, 41, 42 và 90 của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với Công ty TNHH AT về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Buộc Công ty TNHH AT phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 12.027.384 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Công ty TNHH AT nhận trở lại làm việc.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với Công ty TNHH AT về việc bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là: 4.009.128 đồng x 02 tháng = 8.018.256 đồng.

1.4. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải nộp. Bị đơn Công ty TNHH AT phải chịu 360.821 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng).

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH AT phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020097 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã DA;
- Chi cục THADS thị xã DA;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa LĐ, Tổ HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã ký)